

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TV
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 01-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Dũng.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022; Thông báo dời ngày xét xử số 32/TB-TA ngày 16/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-DS ngày 15/6/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 29/6/2022; Thông báo tiếp tục xét xử vụ án số 09/TB-TA ngày 13/7/2022; Thông báo dời ngày xét xử số 16/TB-TA ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1947. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị A: Bà Nguyễn Thị Thanh P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Ninh B**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2021 và lời khai của bà Nguyễn Thị A là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ninh B là mẹ con ruột, còn Nguyễn Thị Mỹ C là con dâu của bà. Do có mối quan hệ mẹ con nên ông B và bà C mượn tiền của bà để kinh doanh vật liệu xây dựng. Bà đồng ý với điều kiện khi nào bà cần tiền để chi phí trong cuộc sống thì phải trả lại cho bà số tiền như đã mượn. Lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng. Cụ thể bà đã cho vợ chồng ông B mượn tiền nhiều lần như sau:

Ngày 21/4/2020 ông B, bà C mượn 200.000.000 đồng để làm ăn.

Ngày 29/5/2020 ông B mượn 100.000.000 đồng.

Ngày 02/6/2020 ông B mượn 140.000.000 đồng.

Ngày 18/8/2020 ông B mượn 200.000.000 đồng.

Ngày 04/12/2020 ông B mượn 100.000.000 đồng để bỏ cọc tiền đất.

Ngoài ra ông B còn mượn bà 20.000.000 đồng để sửa xe và 6.000.000 đồng. Ông B và bà C còn mượn bà 14 chỉ vàng 24K 9999 quy ra tiền là 73.360.000 đồng (5.240.000 đồng/01 chỉ, giá vàng tại thời điểm làm đơn khởi kiện). Cả 03 lần mượn này bà không nhớ ngày tháng năm và cũng không làm biên nhận.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 766.000.000 đồng và 14 chỉ vàng 24K trị giá 73.360.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 6,4%/tháng, tính từ tháng 4/2020 đến tháng 4/2021 là 13 tháng với số tiền 698.347.520 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.537.707.520 đồng.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2022 và tại phiên tòa bà A trình bày: Do bà đã lớn tuổi nên lúc làm đơn khởi kiện, người đánh đơn dùm bà đã ghi không đúng thời gian bà cho ông B, bà C vay tiền, và ghi không chính xác số tiền bà đã cho mượn. Khi Tòa án làm thủ tục trợ giúp pháp lý miễn phí cho bà. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh đã cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà thì bà có thay đổi yêu cầu như sau:

Bà cho ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C mượn tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 21/4/2020 ông B và bà C mượn 100.000.000 đồng để làm ăn (có làm biên nhận).

- Ngày 29/4/2020 ông B mượn 50.000.000 đồng (có làm biên nhận nhưng đã gạch chéo).

- Ngày 27/7/2020 ông B mượn 100.000.000 đồng (có làm biên nhận nhưng đã gạch chéo).

- Ngày 16/9/2020 ông B mượn 240.000.000 đồng (có làm biên nhận nhưng đã gạch chéo).

- Ngoài ra ông B và bà C còn mượn bà 14 chỉ vàng 24K 9999 = 73.360.000 đồng. (không có làm biên nhận)

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 490.000.000 đồng và 14 chỉ vàng 24K trị giá 73.360.000 đồng. Tổng cộng: tiền và giá trị vàng là 563.360.000 đồng.

Sau đối chất, đã làm rõ được biên nhận ngày 29/4/2020 với số tiền 50.000.000 đồng đã được cộng dồn vào biên nhận ngày 27/7/2020.

Do đó, tại phiên tòa, bà A chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà C trả lại cho bà A số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/4/2020 và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 26/4/2021 đến ngày 26/7/2022 với mức lãi suất 0,83%/tháng = 12.450.000 đồng.

Đối với yêu cầu buộc ông B và bà C trả số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/7/2020; số tiền 240.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/9/2020 và giá trị 14 chỉ vàng 24K 9999 là 73.290.000 đồng (5.235.000 đồng/chỉ; giá vàng theo ngày 01/8/2022), bà rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày và có yêu cầu như sau:

Ngày 21/4/2020 vợ chồng ông có mượn của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị A số tiền 100.000.000 đồng. Thời gian mượn tiền là 05 năm, bà A cho vợ chồng ông mượn tiền không có tính lãi. Mục đích mượn tiền là để làm ăn. Đến nay vợ chồng vẫn chưa trả số tiền 100.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông không đồng ý trả 100.000.000 đồng vì chưa đến hạn trả. Đối với những khoản tiền được thể hiện trong đơn mà bà A kiện vợ chồng ông. Vợ chồng ông không đồng ý, vì vợ chồng ông không có mượn, và cũng không có viết biên nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Việc ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C thừa nhận còn nợ bà A số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/4/2020 là có thật. Bà A cho ông B mượn tiền không có tính lãi suất và khi nào bà A cần tiền để chi phí trong cuộc sống thì phải trả lại cho bà số tiền như đã mượn. Trước khi nộp đơn khởi kiện, bà A đã yêu cầu ông B và bà C trả tiền nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của bà A. Buộc ông B và bà C trả cho bà A số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 26/4/2021 đến ngày 26/7/2022 là 15 tháng = 12.450.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà A xin rút lại yêu cầu buộc ông B và bà C phải trả số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/7/2020; số tiền 240.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/9/2020 và giá trị 14 chỉ vàng 24K 9999 là 73.290.000 đồng (5.235.000 đồng/chỉ; giá vàng theo ngày 01/8/2022). Việc bà A rút lại các yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Ninh B và bà

Nguyễn Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 100.000.000 đồng, và tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi theo yêu cầu của bà A từ ngày 26/4/2021 đến ngày 26/7/2022 là 15 tháng = 12.450.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/7/2020; số tiền 240.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/9/2020 và 14 chỉ vàng 24K 9999.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C cư trú tại Khóm A, Phường B, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B và bà C là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Do có mối quan hệ mẹ con, nên giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Ninh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C có phát sinh giao dịch vay mượn tiền nhiều lần vào từng thời điểm khác nhau. Căn cứ vào biên nhận mà bà A cung cấp cho Tòa án thể hiện: Ngày 21/4/2020 ông B và bà C có vay của bà A số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để làm ăn (kinh doanh vật liệu xây dựng). Biên nhận không có thỏa thuận về lãi suất và cũng không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Căn cứ vào bản tự khai, biên bản đối chất, ông B và bà C thừa nhận còn nợ bà A số tiền 100.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả vì chưa đến hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà A cho ông B và bà C vay số tiền 100.000.000 đồng là có thật. Về thời gian trả nợ, ông B và bà C cho rằng thời gian trả là 05 năm kể từ ngày viết biên nhận. Bà A cho rằng, khi cho vay bà A có nói “*khi nào bà cần tiền để chi phí trong cuộc sống thì phải trả lại cho bà số tiền như đã mượn*”. Ngoài lời trình bày của các đương sự, không ai cung cấp được tài liệu chứng cứ về thời hạn trả nợ. Xét giao dịch giữa bà A, ông B và bà C là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất. Theo quy định tại Điều 469 Bộ Luật Dân sự năm 2015 “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước*”.

một thời gian hợp lý”. Trước khi bà A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, bà A cũng đã yêu cầu ông B và bà C trả tiền nhiều lần. Nhưng ông B, bà C vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà A.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở buộc ông B và bà C phải trả cho bà A số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Bà A yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi suất từ ngày làm đơn khởi kiện 26/4/2021 đến ngày 26/7/2022 là 15 tháng với số tiền 12.450.000 đồng. Xét, yêu cầu mức lãi suất và thời gian tính lãi suất của bà A là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, buộc ông B và bà C phải trả cho bà A số tiền lãi là 12.450.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa, đối với số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/7/2020; số tiền 240.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/9/2020 và giá trị 14 chỉ vàng 24K 9999 là 73.290.000 đồng (5.235.000 đồng/chỉ; giá vàng theo ngày 01/8/2022), bà A rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào bà có đủ căn cứ thì sẽ kiện vụ án khác. Xét thấy, việc rút lại các yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu đó.

[3] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.622.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Buộc ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và 12.450.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi 112.450.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/7/2020; số tiền 240.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/9/2020 và giá trị 14 chỉ vàng 24K 9999 là 73.290.000 đồng (5.235.000 đồng/chỉ; giá vàng theo ngày 01/8/2022).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ninh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự là 5.622.500 đồng.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Thảo Nguyên